

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2018/KDTM-ST
Ngày: 21/9/2018
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bảo Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Hải
2. Bà Ngô Thị Phương Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Lễ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, TP.Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 03/2017/TLST-KDTM ngày 14 tháng 11 năm 2017 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐST-KDTM ngày 21 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng D

Địa chỉ: số Phường T, quận P, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ Phòng Giao dịch M: phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trung D, sinh năm 1991 (*Theo Văn bản ủy quyền số 25/ĐQ-OMN ngày 28/11/2017*)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trần Văn M, sinh năm 1962

2.2. Bà Lê Thị H, sinh năm 1962

Nơi cư trú: Xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ

Người đại diện theo ủy quyền cho ông M, bà H: Ông Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1985

Địa chỉ: phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. NLQ1, sinh năm 1980

3.2. NLQ2, sinh năm 1980

3.3. NLQ3, sinh năm 1988

3.4. NLQ4, sinh năm 1981

3.5. NLQ5, sinh năm 1986

3.6. NLQ6, sinh năm 1987.

Cùng nơi cư trú: Xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ

(Ông D, ông T, ông M có mặt, các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày và yêu cầu tại Đơn khởi kiện ngày 17/7/2017 và lời khai của ông Trần Trung D – người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình tố tụng:

Ngày 11/4/2009, Ngân hàng D – Phòng Giao dịch M (viết tắt Ngân hàng) có giải quyết cho ông Trần Văn M và bà Lê Thị H vay số vốn như sau:

Số tiền vay: 950.000.000đồng (chín trăm năm mươi triệu đồng)

Thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 11/4/2009 đến ngày 11/4/2010)

Lãi suất vay: 0,875%/tháng kể từ ngày 11/4/2009 đến ngày 30/11/2009 và 1%/tháng kể từ ngày 01/12/2009.

Mục đích vay: Bổ sung vốn nuôi cá tra thịt.

Để đảm bảo cho việc vay vốn, gia đình của ông M, bà H có thể chấp tài sản sau:

Căn nhà diện tích 117m² và quyền sử dụng đất tổng diện tích 37.823m² đất tại xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ. Thừa số 195, 196, 247, 981; Tờ bản đồ số 01, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000252 do Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt cũ cấp ngày 14/8/1998; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000162 do Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt cũ cấp ngày 29/11/2000 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản số 21/CN.CQ.UBH2000 do Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt cũ cấp ngày 06/3/2000.

Chi cục thi hành án dân sự huyện V đã bán tài sản thế chấp là thửa đất 247, diện tích 16.256m², loại 2L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000162 do Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt cũ cấp ngày 29/11/2000 do hộ Ông Trần Văn M đứng tên. Số tiền bán tài sản, Ngân hàng thu nợ là 722.598.000đồng. Tài sản thế chấp còn lại tại Ngân hàng là căn nhà và phần diện tích 21.567m². Sau đó, Ngân hàng tiếp tục thu nợ vốn của bên vay như sau:

Ngày 21/12/2011 số tiền 164.000.000đồng;

Ngày 16/10/2012 số tiền vốn 15.000.000đồng;

Ngày 29/11/2012 số tiền 5.000.000đồng;

Ngày 07/01/2018 số tiền 43.401.500đồng.

Tính đến thời điểm ngày 11/9/2018, Ông Trần Văn M, bà Lê Thị H còn nợ Ngân hàng số tiền 436.817.170đồng, trong đó lãi trong hạn: 102.402.081 đồng, lãi quá hạn: 334.415.089đồng (đối với phần tiền vốn đã thanh toán xong).

Trừ thửa đất 247 mà Chi cục thi hành án dân sự huyện V đã bán, các tài sản thế chấp còn lại là căn nhà diện tích 117m² và quyền sử dụng đất diện tích 21.567m² đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mãi để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

- Ông Nguyễn Minh T là người đại diện theo ủy quyền cho ông Trần Văn M, bà Lê Thị H trình bày:

Về phần nợ lãi mà Ngân hàng yêu cầu các bị đơn phải trả theo nội dung Đơn khởi kiện ngày 17/7/2017 của Ngân hàng và Tờ tự khai ngày 11/9/2018 của anh Trần Trung D là người đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng trình bày thì các bị đơn thống nhất không có ý kiến gì (không tranh chấp về số nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn theo chiết tính của Ngân hàng nêu trên). Vì làm ăn thua lỗ nên các bị đơn chỉ thanh toán được nợ vốn, không thanh toán được nợ lãi.

Nay qua yêu cầu của Ngân hàng, các bị đơn xin trả số tiền lãi 150.000.000đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), phần nợ còn lại thì bị đơn xin Ngân hàng cho miễn trả, vì hoàn cảnh kinh tế gia đình hiện nay gặp khó khăn.

Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận: các bị đơn Ông Trần Văn M, bà Lê Thị H thống nhất trả cho Ngân hàng số tiền nợ lãi 436.817.170đồng chia làm 03 đợt: Ngày 30/11/2018 trả 130.000.000đồng; ngày 30/01/2019 trả 130.000.000đồng; ngày 30/3/2019 trả 176.817.170đồng.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh thụ lý vụ kiện “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa nguyên đơn với các bị đơn là đúng thẩm

quyền; Tòa án đã thu thập chứng cứ đầy đủ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện các bước của phiên tòa sơ thẩm đúng thủ tục tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp::

Gia đình của bị đơn vay tiền của Ngân hàng, vì mục đích làm vốn kinh doanh (nuôi cá tra thịt xuất khẩu) nhưng vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phát sinh tranh chấp. Giao dịch được xác lập giữa các bên đều có mục đích lợi nhuận. Vì vậy, xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các bị đơn đang cư trú tại xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án.

[2] Về thủ tục tố tụng:

NLQ5, NLQ6, NLQ3, NLQ2 đều đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 02 nhưng không có lý do.

NLQ1, NLQ4 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người này.

[3] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự có cơ sở xác định:

Giữa Ngân hàng D - Phòng giao dịch M (viết tắt Ngân hàng là Bên cho vay) với vợ chồng ông Trần Văn M, bà Lê Thị H (Bên vay) ký kết Hợp đồng vay luân chuyển số: 0430K1355/1LC ngày 11 tháng 4 năm 2009 và Phụ lục hợp đồng số 01-K1355/1LC ngày 01 tháng 12 năm 2009. Theo đó, số tiền Ngân hàng cho vay là 950.000.000 đồng; mục đích vay: bổ sung vốn nuôi cá tra thịt; thời hạn vay: 12

tháng; lãi suất: 0,875%/tháng kể từ ngày 11/4/2009 đến ngày 30/11/2009 và 01%/tháng kể từ ngày 01/12/2009.

[4] Để đảm bảo cho việc vay vốn, hộ gia đình ông M, bà H thế chấp cho Ngân hàng các tài sản sau:

Quyền sử dụng đất diện tích 16.637m² (thửa 196, diện tích 14.795m² loại 2L và thửa 195 diện tích 300m² loại T và 1.272m² LNK), tọa lạc tại xã T, huyện Thốt Nốt cũ (nay là xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ) do hộ ông Trần Văn M đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000252, cấp ngày 14 tháng 8 năm 1998.

Quyền sở hữu nhà ở diện tích 117m², loại nhà trệt, bán kiên cố, mái ngói, vách tường, khung bê tông cốt thép, nền gạch hoa, tọa lạc trên thửa đất 195 nói trên theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 21/CN.CQ.UBH, cấp ngày 06/3/2000 do Ông Trần Văn M và vợ là bà Lê Thị H đứng tên.

Quyền sử dụng đất diện tích 21.456m² (thửa 247, diện tích 16.256m² loại 2L và thửa 981, diện tích 5.200m²), tọa lạc tại xã T, huyện Thốt Nốt cũ (nay là xã TL, huyện V, thành phố Cần Thơ) do hộ Ông Trần Văn M đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000162, cấp ngày 29 tháng 11 năm 2000. Được sự chấp thuận của Ngân hàng, đến năm 2012, thửa đất 247 đã được chuyển quyền sử dụng cho người khác và đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Vĩnh Thạnh xác nhận vào mặt sau trang 4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 31/01/2012.

Việc thế chấp tài sản được lập thành văn bản là Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 85-2007/TC ngày 27 tháng 8 năm 2007 được ký kết giữa người đại diện cho Ngân hàng là ông Lâm Phước Viên – Chức vụ Giám đốc Ngân hàng D – Phòng Giao dịch M với bên thế chấp là các thành viên trong hộ gia đình ông M gồm: vợ chồng ông Trần Văn M, bà Lê Thị H và các thành viên khác là NLQ1, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ2 và NLQ3. Hợp đồng này được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V (nay thuộc xã TL, huyện V) vào ngày 27/8/2007 và được đăng ký tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện V vào ngày 28/8/2007.

[5] Như vậy, việc thế chấp tài sản vay vốn giữa các bên đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về hình thức và nội dung của giao dịch, đảm bảo về mặt chủ thể tham gia giao dịch và đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép đăng ký giao dịch theo quy định nên giao dịch thế chấp tài sản nói trên đã phát sinh hiệu lực. Do đó, nếu bên vay vốn không thực hiện hoặc hiện không đúng nghĩa

vụ thì bên nhận thế chấp tài sản là Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để được ưu tiên thanh toán nợ là có căn cứ theo quy định tại các Điều 720 và 721 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[6] Theo trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp cho bị đơn thì quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay chỉ thanh toán tiền gốc mà không thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận. Căn cứ vào bảng tính nợ lãi trong hạn và quá hạn do Ngân hàng cung cấp thì tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/9/2018), bên vay còn nợ Ngân hàng số tiền lãi trong hạn 102.402.081 đồng và tiền lãi quá hạn 334.415.089 đồng, tổng cộng **436.817.170 đồng**.

Về phía bị đơn trình bày vì hoàn cảnh kinh tế đang gặp khó khăn nên xin giảm tiền lãi vay. Đồng thời có đơn gửi đến Tòa án đề nghị Tòa án có văn bản gửi cho Ngân hàng để xin giảm tiền lãi. Xét thấy, trong quá trình tố tụng, Tòa án cũng đã nhiều lần động viên Ngân hàng giảm bớt tiền lãi cho các bị đơn nhưng anh Trần Trung D – người đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng trình bày, hiện nay Ngân hàng Đ cũng đang gặp khó khăn (*bị Ngân hàng Nhà nước kiểm soát đặc biệt về các hoạt động tín dụng*) nên không thể tự giảm tiền lãi theo yêu cầu của khách hàng, mặt dù cũng mong muốn giảm lãi để tạo điều kiện cho khách hàng thanh toán nợ. Như vậy, trường hợp Ngân hàng không quyết định giảm tiền lãi thì Tòa án cũng không có căn cứ nào để xem xét buộc Ngân hàng phải giảm tiền lãi vay theo ý kiến yêu cầu của phía bị đơn. Vì vậy, buộc các bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền lãi trong hạn và quá hạn cho ngân hàng và thời hạn trả như nội dung thỏa thuận tại phiên tòa là phù hợp.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bị đơn có trách nhiệm trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn số tiền 436.817.170 đồng nên phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “ *Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*” có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2017, cụ thể: 20.000.000 đồng + (36.817.170 đồng x 4%) = 21.472.686 đồng.

[8] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Để có cơ sở giải quyết vụ án và theo yêu cầu của Ngân hàng, Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp và chi phí cần thiết số tiền 3.000.000đồng. Quá trình tố tụng, nguyên đơn đã tạm ứng chi phí để thực hiện. Nay yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở nên các bị đơn phải chịu chi phí này để giao trả lại cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 157, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 165, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 715, 716, 717, 718, 719, 720 và 721 của Bộ luật dân sự năm 2005;
- Khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “ *Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án* ” có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng D về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn và các bị đơn cụ thể như sau:

1.1/ Ông Trần Văn M, bà Lê Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng D – Phòng Giao dịch M số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng vay luân chuyển số: 0430K1355/1LC ngày 11 tháng 4 năm 2009 và Phụ lục hợp đồng số 01-K1355/1LC ngày 01 tháng 12 năm 2009 là 436.817.170đồng (*trong đó, lãi trong hạn: 102.402.081 đồng, lãi quá hạn: 334.415.089đồng*). Thời hạn và cách trả cụ thể như sau:

Ngày 30/11/2018 trả 130.000.000đồng

Ngày 30/01/2019 trả 130.000.000đồng

Ngày 30/3/2019 trả 176.817.170đồng

1.2/ Trường hợp ông M, bà H không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng và tài sản gắn liền với đất số: 85-2007/TC ngày 27 tháng 8 năm 2007 được ký kết giữa người đại diện cho Ngân hàng là ông Lâm Phước Viên – Chức vụ Giám đốc Ngân hàng D – Phòng Giao dịch Ô Môn với bên thế chấp là các thành viên trong hộ gia đình ông M, bà H thì phía Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ (*trừ thừa*

đất số 247, diện tích 16.256m² loại 2L do hộ ông Trần Văn M đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000162, cấp ngày 29 tháng 11 năm 2000 mà cơ quan có thẩm quyền đã bán trước đây).

1.3/ Ngân hàng không yêu cầu các bị đơn phải thanh toán tiền lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án nên không xem xét.

2/ Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.1/Buộc ông Trần Văn M và bà Lê Thị H có trách nhiệm liên đới chịu số tiền 21.472.686 đồng (hai mươi một triệu bốn trăm bảy mươi hai ngàn sáu trăm tám mươi sáu đồng).

2.2/ Hoàn trả lại cho Ngân hàng D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.525.000 đồng theo biên lai thu số: 009479, ngày 18 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, thành phố Cần Thơ.

3/ Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản:

Buộc ông M, bà H phải liên đới chịu số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) để giao trả lại cho Ngân hàng D.

4/ Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án.

Riêng các đương sự vắng mặt và không có người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được cấp, phát, tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Bảo Anh

